

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 – ĐỒNG NAI**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-09-2025

*“ V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi  
con ”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phí Thị Hồng Năm

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình  
2. Bà Vũ Thị Thùy Dương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Sỹ Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhật Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2025 về việc: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/09/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kiều Lê H, sinh năm 1992. CCCD số : 096192001711 do Cục C về TTXH cấp ngày 21/9/2022. Địa chỉ: ấp Đ, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (Nay là: ấp Đ, xã C, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Ông Phan Tuấn T, sinh năm 1989. CCCD số: 075089005685 do Cục C về TTXH cấp ngày 12/8/2021. Địa chỉ: ấp Đ, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (Nay là: ấp Đ, xã C, tỉnh Đồng Nai).

- Người làm chứng: Bà Ngô Thị Xuân T1, sinh năm 1975. Địa chỉ: 2, khu phố H, phường H, tỉnh Đồng Nai.

( Bà H, bà T1, ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Kiều Lê H trình bày:*

Bà và ông Phan Tuấn T kết hôn vào ngày 20/03/2022. Trong thời gian chung sống ông bà có rất nhiều mâu thuẫn với nhau. Trong thời gian chung sống chồng bà vẫn còn qua lại với vợ cũ, hẹn nhau đi du lịch. Khi về, ông T dùng vũ lực với bà, xúc phạm gia đình bà và chửi bới các, dùng những lời thô tục, xúc phạm cha mẹ bà. Ông T không có trách nhiệm chăm lo cho con cái, tình trạng kéo dài rất lâu không thấy thay đổi. Tới khi con trai thứ 02 của bà chào đời, ông T đã không có trách nhiệm mà còn gạt bỏ đi, nói không phải con mình. Việc sống

chung với nhau, ông T đi nhậu về kiểm chuyện và dùng vũ lực với vợ con làm bà cảm thấy rất áp lực và sợ hãi như tra tấn. Bà cảm thấy con bà quá tổn thương nên nay bà xin Tòa cho bà được ly hôn để có được sự bình yên, chăm lo cho các con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Kiều Tuấn A, sinh ngày 23/9/2022 và cháu Phan Kiều Tuấn T2, sinh ngày 15/7/2024. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Tuấn A và cháu Tuấn T2. Không yêu cầu ông Phan Tuấn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông Phan Tuấn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

- Tại bản tự khai người làm chứng là bà Ngô Thị Xuân T1 trình bày:

Bà là hàng xóm của bà H có chứng kiến gia đình vợ chồng Hiền T3 đã có mâu thuẫn trong thời gian rất dài, ông T3 thường xuyên đi nhậu đêm về cự cãi với bà H, có dùng tay chân đánh, đập vào đầu H để lại nhiều vết sẹo sâu. Khi đã kết hôn, ông T3 còn có nhiều mối quan hệ phức tạp, yêu đương bên ngoài, thường xuyên liên lạc với vợ cũ, đưa nhau đi du lịch, nhậu nhẹt, karaoke... Năm 2023 có xảy ra xung đột dẫn đến chuẩn bị ly hôn nhưng vợ chồng cho nhau cơ hội vì còn con nhỏ. Nhưng ông T3 không thay đổi, càng ngông cuồng hơn, thường xuyên lên mạng chửi gia đình bà H, xúc phạm mẹ vợ. Khi bà H sinh con thứ hai, ông T3 không có trách nhiệm với con và thường hay rêu rao không nhận con ruột.

**I. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:**

*1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bị đơn ông Phan Tuấn T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã C nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, TAND khu vực 5 – Đồng Nai xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 28 BLTTDS 2015.

- Về việc xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng: bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Vì vậy, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của bà H là nguyên đơn và ông T là bị đơn trong vụ án là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS 2015.

- Về thu thập chứng cứ: Đúng quy định của pháp luật theo Điều 97 BLTTDS 2015.

- Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Thực hiện đúng các quy định từ Điều 208 đến Điều 211.
  - Về tổ chức phiên hòa giải: Ông T được triệu tập là thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.
  - Về tạm đình chỉ vụ án: Tòa án không tạm đình chỉ.
  - Việc áp dụng (thay đổi, hủy bỏ) hoặc không áp dụng (thay đổi, hủy bỏ) biện pháp khẩn cấp tạm thời (*nếu có*): Không có
  - Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 07/8/2025 Tòa án thụ lý vụ án. Ngày 08/9/2025, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.
  - Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS 2015.
  - Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu: Đúng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS 2015.
  - Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng: Đúng quy định.
- 2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.*
- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.
- 3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*
- Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 BLTTDS.
  - Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.
- II. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình**
- Về quan hệ hôn nhân: bà Kiều Lệ H và ông Phan Tuấn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai), giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 29/7/2022 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.
- Từ những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thu thập được, nhận thấy:
- Bà H và ông T quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã về tiền bạc, ông T xúc phạm gia đình và có nhiều mối quan hệ bên ngoài, thường xuyên đi nhậu, không quan tâm đến vợ con. Ông bà cũng đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay. Ông T đã được tổng đạt giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và tham gia phiên hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy ông không có thiện chí níu kéo hôn nhân với bà H1. Vì vậy, xét thấy hôn nhân của ông bà đã không còn hạnh phúc, đời sống chung đã không còn tồn tại nên nay bà H yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Kiều Lệ H ly hôn với ông Phan Tuấn T.

- Về con chung: Phan Kiều Tuấn A - sinh năm 2022 và cháu Phan Kiều Tuấn T2 – sinh năm 2024. Xét thấy, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông T không có ý kiến về con chung.

Do đó, căn cứ căn cứ Điều 58, 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H, giao Phan Kiều Tuấn A - sinh năm 2022 và cháu Phan Kiều Tuấn T2 – sinh năm 2024 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trưng tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Kiều Lệ H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với Phan Tuấn T. Ông T có nơi cư trú ấp Đ, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (Nay là: ấp Đ, xã C, tỉnh Đồng Nai) nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng ông Phan Tuấn T không đến làm việc và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho ông T theo quy định. Ngày 23/9/2025 Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt nên hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Ngày 30/9/2025, ông T vắng mặt, bà H, bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Năm 2022, bà Kiều Lệ H và ông Phan Tuấn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51/2022 ngày 29/7/2022 nên xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo trình bày của bà H xác định, trong khoảng thời gian chung sống, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông T thường xuyên qua lại với vợ cũ, xúc phạm mẹ vợ, đánh đập bà H và không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân ngày càng tăng, khi bà H sinh người con thứ 2 thì ông T không thể hiện trách nhiệm, quan tâm đến con mà còn có những hành vi chối bỏ con ruột. Đồng thời lời khai

người làm chứng là bà T1 cũng thể hiện “ông T thường xuyên đi nhậu đêm về cự cãi với bà H, có dùng tay chân đánh, đập vào đầu H để lại nhiều vết sẹo sâu”. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H ông T là có thật, vợ chồng không còn sống chung với nhau, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần để hòa giải nhưng ông T bỏ mặc thể hiện không muốn hòa giải. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Kiều Lệ H là có cơ sở nên chấp thuận.

3.2 Về con chung: bà H và ông T có 02 con chung là cháu Phan Kiều Tuấn Ô, sinh ngày 23/9/2022 và cháu Phan Kiều Tuấn T2, sinh ngày 15/7/2024. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Tuấn Ô và cháu Tuấn T2. Không yêu cầu ông Phan Tuấn T phải cấp dưỡng nuôi các cháu hàng tháng.

Xét yêu cầu trên nhận thấy: Hiện tại các cháu Tuấn A và cháu Tuấn T2 đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. ông T không có ý kiến về việc nuôi con, nên giao cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Về yêu cầu cấp dưỡng bà H không yêu cầu nên không xem xét.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Kiều Lệ H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ sang án phí. Theo biên lai thu tiền số 0013442 ngày 05 tháng 08 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **- Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Lệ H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiều Lệ H được ly hôn với ông Phan Tuấn T.
3. Về con chung: Giao cháu Phan Kiều Tuấn A, sinh ngày 23/9/2022 và cháu Phan Kiều Tuấn T2, sinh ngày 15/7/2024 cho bà Kiều Lệ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Ông Phan Tuấn T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên được

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Kiều Lệ H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ sang án phí. Theo biên lai thu tiền số 0013442 ngày 05 tháng 08 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 5- Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 5 - Đồng Nai - THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (số 51 ngày 29 /07/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phí Thị Hồng Năm**